TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2021/QĐST-DS	*Cẩm Thủy, ngày* 02 *tháng* 7 *năm* 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 463 – Bộ luật dân sự; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 – BLTTDS; điểm b khoản 1, khoản 3 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm đ điều 12 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự

Nguyên đơn: ông Nguyễn Đăng N – Sinh năm: 1956

Trú tại: Thôn D, xã T, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa

Bị đơn: Phạm Thị T – Sinh năm: 1971

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Đăng N và chị Phạm Thị T thống nhất: Chị T còn nợ ông N số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Bác N cho chị T 100.000.000đ. Chị T còn phải trả cho ông N số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Thời hạn trả chia làm 2 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Trả 50.000.000đ vào tháng 9 năm 2022;

Đợt 2: Trả nốt 50.000.000đ vào tháng 12/2023.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn trả nợ, nếu chị T không tự nguyện thi hành, ông N phải làm đơn yêu cầu thi hành án. Chị T còn

phải chịu lãi xuất với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông N và chị T thống nhất mỗi người chịu 50% án phí. Ông N phải nộp 1.750.000đ; Chị T phải chịu 1.750.000đ. Ông N có đơn xin miễn tiền án phí do là người cao tuổi; Chị T có đơn xin miễn tiền án phí do là thân nhân liệt sĩ (bố đẻ chị T là liệt sĩ), có Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ. Căn cứ điểm đ, điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí DSST cho ông Nguyễn Đăng N và chị Phạm Thị T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Dung